ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
PHÂN HIỆU ĐHTN TẠI TỈNH LÀO CAI

Biểu mẫu 18D-ĐHTN
THÔNG BÁO
Công khai danh sách tên giáo trình, tài liệu tham khảo cho từng chương trình đào tạo năm học 2021 - 2022

STT	Chương trình đào tạo	STT	Tên môn học	Tên giáo trình	TLTK	Năm dự kiến xuất bản	Loại giáo trình		Số lượng hiện có tại trường	Số lượng hiện có tại TTHL	Tổng số môn học	Tổng số giáo trình
							Tự biên soạn	Nguồn khác				
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1.	Nguyên lý 1 (Triết học Mác-Lênin)	Nguyễn Viết Thông, Bành Tiến Long, Trần Thị Hà, Phan Mạnh Tiến, Nguyễn Tiến Hoàng, Vũ Thanh Bình (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dùng cho inh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ	*Triết học Mác Lênin - Những nội dung cơ bản*			x	13	1 (2013) 10 (2009)		
		2.	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)									

				Đại học, cao đẳng);*(tái bản có sửa chữa);* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.								
		3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	*Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.*					4	1 (NXB Đại học Thái Nguyên) 9 (2009)		
		4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội*					18	3 (2013) 3 (2015)		
		5.	Triết học Mác – Lê nin	*NXB Chính trị quốc gia (2019),* Kinh tế chính trị Mác – Lê nin								
		6.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	*NXB Chính trị quốc gia (2019),* Chủ nghĩa Xã hội khoa học								
		7.	Kinh tế chính trị	*NXB Chính trị quốc gia*								

			Mác – Lê nin	*(2019),* Kinh tế chính trị Mác – Lê nin								
		8.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	*NXB Chính trị quốc gia (2019),* Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam								
		9.	Tiếng Anh 1	*Tom Hutchinson, Life Lines Elementary, NXB Văn hóa Thông tin*						2 (2009 – NXB Hải Phòng) 27 (2008 – NXB Hải Phòng)		
		10.	Tiếng Anh 2	*Angela Blackwell and Therese Naber. Knowhow 1: Oxford University Press*								
		11.	Tiếng Anh 3							1 (2005)		
		12.	Nhà nước và pháp luật	*Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2016, Nxb Tư Pháp*					4	3 (2007-Đại học Quốc gia Hà Nội)		
		13.	Tin học đại cương	Trịnh Thị Thu, Nguyễn Ngọc Lan, Hứa Thị Toàn (2016), *Giáo trình Tin học đại cương,*					12	1 (2017 – NXB Đại học Thái Nguyên)		

				NXB Nông nghiệp						3 (2014-Bách khoa Hà Nội) 5 (2009 – Giáo dục)		
		14.	Tiếng Trung cơ bản 1	杨寄洲，汉语教程（第一册.上），北京语言大学出版社，2011年重印					7			
		15.	Tiếng Trung cơ bản 2	杨寄洲, 汉语教程（第一册.下），北京语言大学出版社，2012年重印								
		16.	Dân tộc học đại cương	Lê Sỹ Giáo (chủ biên), Hoàng Lương, Lâm Bá Nam, Lê Ngọc Thắng (2000, tái bản 2004…), Dân tộc học đại cương, Nxb Giáo dục					8	1 (2015) 3 (2012) 5 (2009)		
		17.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (chủ biên), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB Đại học sư phạm, 2015					11	3 (2013) 3 (2011)		

		18.	Môi trường và phát triển	Vũ Tự Lập, Địa lý tự nhiên Việt Nam, Nxb ĐHSP, Hà Nội, 2005					3	15 (2008)		
		19.	Tôn giáo học đại cương	Trần Đăng Sinh và Đào Đức Doãn, Giáo trình tôn giáo học, Nxb Đại học Sư phạm, 2005.						3 (2011) 2 (2007)		
		20.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Hà Văn Tấn (1994), Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam, NXB KHXH								
		21.	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2006). Lịch sử văn minh thế giới. NXB Giáo dục						3 (2015) tg Nguyễn Văn Ánh 4 (2007) 2 (2006)		
		22.	Xã hội học đại cương	Giáo trình nội bộ Xã hội học đại cương – hệ chính quy, Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.					19	8 (2010) NXB Khoa học Kỹ thuật 8 (2010) Đại học Thái Nguyên		

		23.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết (1997), Tiếng Việt thực hành, NXB ĐHQG Hà Nội					4	10 (2009 – Bùi Minh Toán)		
		24.	Văn học Việt Nam	Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn, Văn học dân gian Việt Nam, NXB Giáo Dục, 1998					1	3 (2013) 14 (2006)		
		25.	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Xuân Sinh(2008), Thể dục, NXB TDTT, Hà Nội								
		26.	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	Trịnh Hữu Lộc, Giáo trình bóng chuyền (2014), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.						3 (2015 – Nguyễn Viết Minh)		
		27.	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá)	Lý Vĩnh Tường, Nguyễn Hồng Sơn, Giáo trình bóng đá (2017), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh					8	8 (2010 – Phạm Quang)		
		28.	Khoa học du lịch	Trần Đức Thanh (2010), Nhập môn khoa học du lịch,					2			

				NXB ĐHQG Hà Nội.								
		29.	Lịch sử Việt Nam đại cương	Đào Duy Anh(2002). Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX – NXB văn hóa thông tin					5			
		30.	Du lịch tâm linh	Nguyễn Phạm Hùng (2017), Văn hóa du lịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội					4			
		31.	Địa lý du lịch Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, 1996, Địa lý du lịch, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh								
		32.	Tuyến điểm du lịch	Bùi Thị Hải Yến, 2006, Tuyến điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội					1	3 (2012) 10 (2008)		
		33.	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	Đặng Văn Lung (2011), Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc .								

		34.	Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2012), Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành, Nxb Đại học kinh tế quốc dân					6			
		35.	Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh – Hoàng Thị Lan Hương, 2013, Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.					4			
		36.	Tập quán và Tâm lý du khách	Nguyễn Hữu Thụ (2009), Giáo trình tâm lý học du lịch, NXB ĐHQG HN								
		37.	Kinh tế học du lịch	Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa (2009), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB ĐHKTQD					3	20 (2008)		
		38.	Nghiệp vụ khách sạn cơ bản	Nguyễn Văn Đính – Hoàng Thị Lan Hương,						5 (2009)		

				2007, "Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng", Nxb ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội,.								
		39.	Thanh toán quốc tế	Trần Thị Minh Hòa, 2006. Giáo trình thanh toán quốc tế trong du lịch, NXB NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội						13 (2011)		
		40.	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	Trịnh Xuân Dũng, 2001, Tổ chức kinh doanh nhà hàng, Nxb Lao động xã hội					2			
		41.	Nghiệp vụ giao tiếp và lễ tân ngoại giao	Giáo trình nội bộ Đại học Ngoại Thương, 2012					2			
		42.	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn	Nguyễn Đình Phú, 2012, Quản trị chất lượng dịch vụ, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.								

		43.	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	Trần Văn Mậu, Tổ chức các dịch vụ du lịch, NXBGD Hà Nội, 2001								
		44.	Marketing du lịch	Nguyễn Trùng Khánh, 2006, Giáo trình Marketing du lịch, Nxb Lao động – Xã hội						3 (2015) 3 (2014)		
		45.	Thống kê du lịch	Cao Thị Cẩm Hương, 2013, Phân tích thống kê du lịch, Giáo trình lưu hành nội bộ Khoa Du lịch - Trường Đại học Duy Tân								
		46.	Nghiệp vụ phục vụ quầy Bar	Nguyễn Thị Thanh Hải, 2008, Giáo trình thực hành nghiệp vụ Bar, Nxb Hà Nội								
		47.	Nghiệp vụ hướng dẫn	Bùi Thanh Thủy (2005), Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Nhà xuất bản Trường Đại học Văn hóa Hà Nội						2 (2006 – Đinh Trung Kiên)		

		48.	Nghiệp vụ thiết kế tour	Giáo trình nội bộ, Nghiệp vụ thiết kế Tour do Khoa Du lịch - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên biên soạn								
		49.	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh, Vũ Hồng Chương, 2012, Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành. Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.								
		50.	Du lịch văn hoá	Trần Thúy Anh chủ biên, 2011, Giáo trình Du lịch Văn hóa, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội								
		51.	Di sản văn hóa trong kinh doanh du lịch	Đào Duy Anh, 1992, Việt Nam văn hoá sử cương, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh								
		52.	Nghệ thuật quan hệ công chúng	Ngô Minh Cách – Đào Thị Minh Thanh, 2015, Giáo trình Quan								

				hệ công chúng, Nxb Tài chính, Hà Nội								
		53.	Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam	Giáo trình "Hệ thống di tích lịch sử văn hoá - danh lam thắng cảnh Việt Nam", Đại học Văn hoá Hà Nội.					1			
		54.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội	Dương Văn Sơn và Bùi Đình Hòa, 2012, Giáo trình Phương pháp nghiên cứu Kinh tế Xã hội, Nhà xuất bản Nông nghiệp					4			
		55.	Pháp luật du lịch	Luật du lịch Việt Nam, 2005, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.					2			
		56.	Các thao tác cơ bản trong khách sạn, nhà hàng	Nguyễn Văn Đính – Th.s Hoàng Thị Lan Hương, 2007 "Công nghệ phục vụ trong khách sạn – nhà hàng", Nxb ĐH						5 (2009)		

				Kinh tế quốc dân Hà Nội.								
		57.	Thực tập lữ hành	Trần Trung Hiếu, 2000, Giáo trình Quản trị tiếp thị, NXB Tổng hợp TP. HCM.								
2	Khoa học cây trồng	1.	Nguyên lý 1	Nguyễn Viết Thông, Bành Tiến Long, Trần Thị Hà, Phan Mạnh Tiến, Nguyễn Tiến Hoàng, Vũ Thanh Bình (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ Đại học, cao đẳng);*(tái bản có sửa chữa);* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.								

		2.	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)	Nguyễn Viết Thông, Bành Tiến Long, Trần Thị Hà, Phan Mạnh Tiến, Nguyễn Tiến Hoàng, Vũ Thanh Bình (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ Đại học, cao đẳng); *(tái bản có sửa chữa)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.							
		3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo *(2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.					4			

		4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.					18			
		5.	Hoá học	R. Didier (1998), *Hóa đại cương, tập 1,2 và 3*, bản dịch từ tiếng Pháp, NXB Giáo dục.					*4*			
		6.	Hóa phân tích	Nguyễn Trường Sơn, Nguyễn Thị Hồng Linh, Bùi Thế Vĩnh (2013), *Giáo trình hoá phân tích,* NXB Đại học Nông Nghiệp								
		7.	Sinh học đại cương	Phan Cự Nhân (2004), *Sinh học đại cương tập 1+2*, NXB Đại học Sư phạm.					*10*			
		8.	Toán cao cấp	*Giáo trình Toán cao cấp nội bộ*, Đại học					*4*	1 (2016)		

				Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên.								
		9.	Xác suất thống kê	Nguyễn Đình Huy, Đậu Thế Cấp, Lê Xuân Đại (2015), *Giáo trình xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản ĐHQG TP Hồ Chí Minh.					*4*			
		10.	Tiếng Anh 1	Tom Hutchinson, *Life Lines Elementary*, NXB Văn hóa Thông tin.								
		11.	Tiếng Anh 2	Angela Blackwell and Therese Naber. *Knowhow 1*: Oxford University Press.								
		12.	Tiếng Anh 3	Angela Blackwell and Therese Naber. *Knowhow 1*: Oxford								

				University Press.								
		13.	Tin học đại cương	Trịnh Thị Thu, Nguyễn Ngọc Lan, Hứa Thị Toàn (2016), *Giáo trình Tin học đại cương* , NXB Nông nghiệp.					12			
		14.	Sinh học phân tử	Hồ Huỳnh Thuỳ Dương (2005), *Sinh học phân tử*, NXB Giáo dục						15		
		15.	Vi sinh vật đại cương	Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Quang Tuyên (2004), *Giáo trình Vi sinh vật học đại cương*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*			
		16.	Sinh thái môi trường	Nguyễn Chí Hiểu (2014), *Giáo trình nội bộ: Sinh thái môi trường,* Trường ĐHNL Thái Nguyên.								

		17.	Nhà nước và pháp luật	*Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật,* trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2016, Nxb Tư Pháp.							
		18.	An toàn vệ sinh lao động	Lưu Trường văn - Lê Hoài Long (2007), *Kỹ thuật và quản lý an toàn trong xây dựng*, NXB Đại học Quốc gia TPHCM.							
		19.	Phương pháp tiếp cận khoa học	Nguyễn Ngọc Nông, Nguyễn Khắc Thái Sơn, Đàm Xuân Vận (2007), *Giáo trình phương pháp tiếp cận khoa học (nội bộ)*, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.							
		20.	Ô nhiễm môi trường	Nguyễn Thanh Hải, Hoàng Văn Hùng (2012), *Bài giảng Ô nhiễm môi trường*.							

		21.	Địa lý kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thế Đặng & cs. (2011), *Giáo trình Địa lý kinh tế Việt Nam,* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.								
		22.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết (1997), *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG Hà Nội.					4			
		23.	Xã hội học đại cương	Giáo trình nội bộ *Xã hội học đại cương* – hệ chính quy, Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.					19	8		
		24.	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Xuân Sinh(2008), *Thể dục,* NXB TDTT, Hà Nội.								
		25.	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	Trịnh Hữu Lộc, *Giáo trình bóng chuyền (2014),* NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.								

		26.	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá)	Lý Vĩnh Tường, Nguyễn Hồng Sơn, *Giáo trình bóng đá (2017),* NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.					8			
		27.	Hóa sinh thực vật	NXB Nông nghiệp (2010), giáo trình Hóa sinh đại cương, Hà Nội.								
		28.	Hóa sinh đại cương	Ngô Xuân Mạnh, Lại Ngọc Hà, Đặng Thái Hải, Nguyễn Văn Kiểm (2010), *Giáo trình Hóa sinh đại cương*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*2*			
		29.	Sinh lý thực vật	Hoàng Minh Tấn (chủ biên), Nguyễn Quang Thạch, Vũ Quang Sáng (2006). *Giáo trình Sinh lý*					*2*			

				thực vật, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.								
		30.	Thực vật học	Nguyễn Bá (2010). *Giáo trình Thực vật học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.						5 (2007)		
		31.	Di truyền thực vật	Luân Thị Đẹp, Trần Văn Điền & CS (2010). *Giáo trình Di truyền học*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*			
		32.	Thổ nhưỡng	Nguyễn Thế Đặng, Đặng Văn Minh, Nguyễn Thế Hùng, Hoàng Văn Hùng, Nguyễn Đức Nhuận (2018). *Giáo trình Thổ nhưỡng*, NXB					4			

				Nông nghiệp, Hà Nội.								
		33.	Côn trùng đại cương	Nguyễn Thế Nhã (2009). *Giáo trình côn trùng học tập I và tập II*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*2*			
		34.	Bệnh cây đại cương	Vũ Triệu Mân & Lê Lương Tề (2007). *Giáo trình Bệnh cây đại cương và chuyên khoa*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, NXB Nông nghiệp, Hà Nội					*5*			
		35.	Hóa bảo vệ thực vật	Trần Văn Hai (2009). *Giáo trình Hoá bảo vệ thực vật,* NXB Đại học Cần Thơ.								
		36.	Canh tác học	Lê Quốc Doanh, Hà Đình Tuấn (2006).						4		

				Canh tác đất dốc bền vững, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.								
		37.	Công nghệ sinh học ứng dụng trong trồng trọt	Trần Thị Lệ & Cs (2008). *Giáo trình Công nghệ sinh học thực vật*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.						2		
		38.	Dinh dưỡng cây trồng	Nguyễn Thế Đặng và CS (2011). *Giáo trình Đất và dinh dưỡng cây trồng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.	Nguyễn Thế Đặng, Đặng Văn Minh, Nguyễn Thế Hùng, Hoàng Văn Hùng, Nguyễn Đức Nhuận (2018). *Giáo trình Thổ nhưỡng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội				*4*			
		39.	Cây lương thực	Nguyễn Ngọc Đệ (2008). *Giáo trình cây lúa*, NXB Đại học Quốc gia, TP Hồ Chí Minh. Ngô Hữu Tình (2003). *Cây ngô*, NXB Nghệ An.					10			
		40.	Cây công nghiệp (chè, đậu, lạc)	1.Trần Văn Điền					*4*			

				(2007). *Cây Đậu tương,* NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 2. Nguyễn Minh Hiếu & Cs (2003). *Giáo trình Cây công nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội. 3. Lê Tất Khương, Hoàng Văn Chung (1996). *Giáo trình Cây chè*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.								
		41.	Cây ăn quả	Trần Như Ý & Cs (2001). *Giáo trình cây ăn quả*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*			
		42.	Cây hoa	Đào Thanh Vân (2007). *Giáo trình Cây Hoa*,					*4*			

				NXB Nông nghiệp, Hà Nội.								
		43.	Chọn tạo giống cây trồng	Vũ Đình Hoà, Nguyễn Văn Hoan, Vũ Văn Liết (2006). *Giáo trình Chọn giống cây trồng*, Trường ĐH Nông nghiệp I, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.								
		44.	Cây rau	Nguyễn Thúy Hà & Cs (2006). *Giáo trình Cây rau*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*			
		45.	Cây dược liệu	Nguyễn Thị Thanh Nhàn (2001), *Giáo trình cây thuốc*, NXB Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.					*10*			
		46.	Chăn nuôi (đại cương	1. Bùi Thị Kim Phụng, Nguyễn					*4*			

			+ chuyên khoa)	Kim Cương, Chế Minh Tùng (2017). *Giáo trình Chăn nuôi đại cương*, NXB Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh. 2. Trần Thanh Vân, Nguyễn Thị Thúy My, Hà Thị Hảo, Mai Anh Khoa, Bùi Thị Thơm, Nguyễn Đức Trường, Nguyễn Thu Quyên (2017). *Giáo trình Chăn nuôi chuyên khoa*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội							
		47.	Kiểm dịch thực vật	Hồ Thị Thu Giang (2016). *Kiểm dịch thực vật đại cương*, NXB Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.								

		48.	Bảo quản và chế biến nông sản	Đào Thanh Vân & Cs (2003). *Giáo trình Bảo quản và chế biến nông sản*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*1*			
		49.	Sản xuất cây trồng công nghệ cao	Đào Thanh Vân, Dương Văn Sơn (2015). *Giáo trình Nông nghiệp công nghệ cao,* Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.								
		50.	Khuyến nông	Nguyễn Văn Long (2006). *Giáo trình Khuyến nông*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*			
		51.	Khí tượng nông nghiệp	Trần Công Minh (2005). *Khí tượng và khí hậu đại cương*, NXB								

				Đại học Quốc gia, Hà Nội.								
		52.	Xây dựng và quản lý dự án	Từ Quang Hiển, Vũ Tùng Hoa, Tạ Thị Thanh Phương, Vũ Khắc Sơn (2007). *Giáo trình Xây dựng và Quản lý dự án*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*			
		53.	Kỹ thuật trồng cây không đất	J. Benton Jones (1997). *Hydroponics Apracticalguide for thesoilless Grower*. Published by St Lucie Press Boca Raton, Florida, American.								
		54.	Vệ sinh an toàn thực phẩm	Nguyễn Thị Thanh Thủy (2008). *Bài giảng vệ sinh an*								

				toàn thực phẩm, ĐH Nông nghiệp I, Hà Nội.								
		55.	Phương pháp thí nghiệm	Đỗ Thị Ngọc Oanh, Hoàng Văn Phụ (2012). *Giáo trình phương pháp thí nghiệm đồng ruộng*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.					*4*	2 (2004)		
		56.	Quản trị doanh nghiệp	Ngô Kim Thanh (2012). *Giáo trình quản trị doanh nghiệp*, NXB Hà Nội.						20 (2008)		
		57.	TTNN1 - Thực tập nghề sản xuất tại các mô hình tiên tiến									
		58.	TTNN2 - Tiếp cận và học tập kỹ thuật tiến bộ mới tại các Viện nghiên cứu									

		59.	TTNN3 - Ứng dụng quy trình kỹ thuật cho cây ngắn ngày (lúa, rau, lạc)									
3	Chăn nuôi	1.	Nguyên lý 1 (Triết học Mác-Lênin)	Nguyễn Viết Thông, Bành Tiến Long, Trần Thị Hà, Phan Mạnh Tiến, Nguyễn Tiến Hoàng, Vũ Thanh Bình (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ Đại học, cao đẳng);*(tái bản có sửa chữa);* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.	*Triết học Mác Lênin - Những nội dung cơ bản*				13			
		2.	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)									

		3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	*Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.*					4			
		4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội*					18			
		5.	Tiếng Anh 1	*Tom Hutchinson, Life Lines Elementary, NXB Văn hóa Thông tin*								
		6.	Tiếng Anh 2	*Angela Blackwell and Therese Naber. Knowhow 1: Oxford University Press*								
		7.	Tiếng Anh 3									
		8.	Nhà nước và pháp luật	*Giáo trình Lý luận chung về*					4			

				nhà nước và pháp luật, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2016, Nxb Tư Pháp								
		9.	Tin học đại cương	Trịnh Thị Thu, Nguyễn Ngọc Lan, Hứa Thị Toàn (2016), *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB Nông nghiệp					12			
		10.	Hoá học	R. Didier (1998), Hóa đại cương, tập 1,2 và 3, bản dịch từ tiếng Pháp, NXB Giáo dục.					*4*			
		11.	Hóa phân tích	Nguyễn Trường Sơn, Nguyễn Thị Hồng Linh, Bùi Thế Vĩnh (2013), Giáo trình hoá phân tích, NXB Đại học Nông Nghiệp								
		12.	Hóa sinh động vật	Đặng Thái Hải, Ngô Thị Thùy, Bùi Huy Doanh (2017), Giáo trình Hóa sinh động vật, Đại								

				học Nông nghiệp, Hà Nội.								
		13.	Sinh học đại cương	Phan Cự Nhân (2004), Sinh học đại cương tập 1+2, NXB Đại học Sư phạm					*10*			
		14.	Toán cao cấp	Giáo trình Toán cao cấp nội bộ, Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên					*4*			
		15.	Xác suất thống kê	Nguyễn Đình Huy, Đậu Thế Cấp, Lê Xuân Đại (2015), Giáo trình xác suất và thống kê, Nhà xuất bản ĐHQG TP Hồ Chí Minh					*4*			
		16.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết (1997), Tiếng Việt thực hành, NXB ĐHQG Hà Nội					4			
		17.	Phương pháp tiếp cận khoa học	Nguyễn Thế Đặng & cs. (2011), Giáo trình Địa lý kinh tế Việt Nam, Nxb								

				Nông nghiệp, Hà Nội.								
		18.	Xã hội học đại cương	Giáo trình nội bộ Xã hội học đại cương – hệ chính quy, Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.					19			
		19.	An toàn vệ sinh lao động	Lưu Trường văn - Lê Hoài Long (2007), Kỹ thuật và quản lý an toàn trong xây dựng, NXB Đại học Quốc gia TPHCM								
		20.	Ô nhiễm môi trường	Nguyễn Thanh Hải, Hoàng Văn Hùng (2012), Bài giảng Ô nhiễm môi trường.								
		21.	Sinh thái môi trường	Nguyễn Chí Hiếu (2014), Giáo trình nội bộ: Sinh thái môi trường, Trường ĐHNL Thái Nguyên								
		22.	Sinh học phân tử	Hồ Huỳnh Thuỳ Dương (2005), Sinh học phân						15		

				tử, NXB Giáo dục								
		23.	Vi sinh vật đại cương	Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Quang Tuyên (2004), Giáo trình Vi sinh vật học đại cương, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					*4*			
		24.	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Xuân Sinh (2008), Thể dục, NXB TDTT, Hà Nội								
		25.	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	Trịnh Hữu Lộc, Giáo trình bóng chuyền (2014), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.								
		26.	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá)	Lý Vĩnh Tường, Nguyễn Hồng Sơn, Giáo trình bóng đá (2017), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh					8			
		27.	Hóa sinh đại cương	Trần Tố, Cù Thị Thuý Nga (2008), *Sinh hóa học động vật*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.								

		28.	Giải phẫu động vật	Đặng Quang Nam (2000), Giáo trình giải phẫu gia súc, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.								
		29.	Tổ chức và Phôi thai học	Phạm Thị Hiền Lương, Phan Đình Thắm (2009), Tổ chức và Phôi thai động vật, Nxb, Nông nghiệp, Hà Nội. ISBD: 1515					4			
		30.	Sinh lý động vật	Hoàng Toàn Thắng và Cao Văn (2008), Giáo trình sinh lý học vật nuôi, Nông nghiệp, Hà Nội					4			
		31.	Di truyền động vật	Trần Huê Viên (2001), Giáo trình di truyền động vật, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Nxb Nông nghiệp, Hà nội.					4			
		32.	Dược Lý Học	Phạm Đức Chương, Cao Văn, Từ Quang						1		

				Hiển, Nguyễn Thị Kim Lan (2003), Dược lý học thú y, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội								
		33.	Động vật học	Trần Tố, Đỗ Quyết Thắng (2006), Giáo trình Động vật học, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội								
		34.	Thức ăn và dinh dưỡng động vật	Trần Tố, Đỗ Quyết Thắng (2006), Giáo trình Động vật học, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					4			
		35.	Thức ăn và dinh dưỡng động vật	Từ Quang Hiển, Phan Đình Thắm, Ngôn Thị Hoán (2001), Giáo trình Thức ăn và dinh dưỡng gia súc, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					*4*			
		36.	Miễn dịch học thú y	Nguyễn Quang Tuyên (2003), Giáo trình miễn dịch học thú y (Giáo trình dùng cho hệ đại					4			

				học), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội								
		37.	Chăn nuôi lợn	Trần Văn Phùng, Từ Quang Hiển và Hà Thị Hảo (2004), Giáo trình chăn nuôi lợn, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					1			
		38.	Chăn nuôi gia cầm	Trần Thanh Vân, Nguyễn Duy Hoan, Nguyễn Thị Thúy My (2015), Giáo trình Chăn nuôi gia cầm, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội					4			
		39.	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Bình (2007), Giáo trình Chăn nuôi Trâu bò, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					4			
		40.	Bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Bá Hiên, Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Văn Lãnh, Đỗ Ngọc Thúy (2012), Giáo trình Bệnh truyền nhiễm Thú y, Nxb Đại					10			

				học nông nghiệp Hà Nội								
		41.	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Kim Lan (2012), Giáo trình Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng thú y (Giáo trình Đại học), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					4			
		42.	Chọn và nhân giống vật nuôi	Dương Mạnh Hùng và cs (2017), Giáo trình Chọn lọc và nhân giống vật nuôi, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					170			
		43.	Chẩn đoán bệnh thú y	Nguyễn Thị Ngân, Phan Thị Hồng Phúc, Nguyễn Quang Tính (2016), Giáo trình chẩn đoán bệnh gia súc, gia cầm, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					4			
		44.	Kiểm nghiệm thú sản	Nguyễn Thị Kim Lan, Nguyễn Văn Quang (2000), Giáo trình Kiểm								

				tra vệ sinh thú y, Nxb Nông nghiệp, Hà nội.								
		45.	Bệnh nội khoa thú y	Vũ Đình Vượng và Cs (2004), Giáo trình bệnh Nội khoa gia súc, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					- Độc chất học Thú y:4			
		46.	Ngoại - Sản thú y 2	1. Nguyễn Hữu Ninh, Bạch Đăng Phong (2000), Bệnh sinh sản gia súc, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. 2. Vũ Như Khoa, Phạm Khắc Hiếu (2008), Ngoại khoa thú y, Nxb Giáo dục, Hà Nội						3 (2008)		
		47.	Công nghệ sinh sản	Nguyễn Mạnh Hà, Đào Đức Thà, Nguyễn Đức Hùng (2012), Giáo trình công nghệ sinh sản vật nuôi, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.	Nguyễn Đức Hùng, Nguyễn Mạnh Hà, Trần Huê Viên, Phan Văn Kiểm (2003), *Truyền giống nhân tạo vật nuôi,* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.				4			
		48.	Trồng trọt đại cương	1. Trần Ngọc Ngoạn (2004), Giáo trình					10			

			và chuyên khoa	Trồng trọt chuyên khoa, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. 2. Trần Như Ý, Đào Thanh Vân, Nguyễn Thế Huấn (2001), Giáo trình cây ăn quả, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.								
		49.	Khuyến nông	Nguyễn Văn Long (2006), Giáo trình khuyến nông, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội					*4*			
		50.	Bệnh lý học thú y	Nguyễn Hữu Nam (2008), Giáo trình bệnh lý thú y ĐHNN. Hà Nội					10			
		51.	Vệ sinh chăn nuôi	Đặng Xuân Bình (2016), Giáo trình vệ sinh gia súc; Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.					4			
		52.	Đồng cỏ và cây thức ăn	Bùi Quang Tuấn (chủ biên), Nguyễn Bách								

				Việt, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Thị Huyền (2012), Cây thức ăn chăn nuôi, Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.								
		53.	Chăn nuôi dê, thỏ,ngựa	Trần Văn Thăng (2017), Giáo trình nôi bộ Chăn nuôi dê, thỏ, ngựa, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên					4			
		54.	luật thú y	Luật thú y 2017 số 79/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.					8			
		55.	Độc chất học thú y	Phạm Đức Chương, Trần Tố, Nguyễn Quang Tuyên, Nguyễn Văn Sửu (2004), *Độc chất học thú y,* Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội					*4*			

		56.	Dịch tễ học thú y	Nguyễn Hùng Nguyệt (2015), Nxb Kỹ thuật, Hà Nội	Đặng Xuân Bình ,Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Thị Ngân, Lê Văn Năm (2014), *Dịch tễ học thú y*, Sách chuyên khảo dùng cho bậc đại học, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.				*4*			
		57.	Phương pháp thí nghiệm	Trương Hữu Dũng và cs (2018), *Giáo trình Phương pháp thí nghiệm trong chăn nuôi thú y,* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.								
		58.	Quản trị doanh nghiệp	Trần Công Quân (2005), *Quản trị doanh nghiệp* (Giáo trình nội bộ), Đại học Nông Lâm Thái Nguyên,								
		59.	TTNN1 - Tiêm phòng chống dịch	Phạm Sỹ Lăng, Nguyễn Bá Hiên (2010), Kỹ thuật sử dụng vacxin phòng bệnh cho vật nuôi, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội								
		60.	TTNN2 - Thực tập nghề chăn nuôi	Trần Văn Phùng, Từ quang Hiển, Trần Thanh								

				Vân, Hà Thị Hảo (2004), *Giáo trình chăn nuôi lợn, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội*								
4	Quản lý tài nguyên và môi trường	1.	Nguyên lý 1 (Triết học Mác-Lênin)	Nguyễn Viết Thông, Bành Tiến Long, Trần Thị Hà, Phan Mạnh Tiến, Nguyễn Tiến Hoàng, Vũ Thanh Bình (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin* (Dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ Đại học, cao đẳng);*(tái bản có sửa chữa);* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.	*Triết học Mác Lênin - Những nội dung cơ bản*				13			
		2.	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)									

		3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	*Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.*					4			
		4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội*					18			
		5.	Hoá học	R. Didier (1998), Hóa đại cương, tập 1,2 và 3, bản dịch từ tiếng Pháp, NXB Giáo dục.					*4*			
		6.	Hóa phân tích	Nguyễn Trường Sơn, Nguyễn Thị Hồng Linh, Bùi Thế Vĩnh (2013), Giáo trình hoá phân tích, NXB Đại học Nông Nghiệp								
		7.	Sinh học đại cương	Phan Cự Nhân (2004), Sinh					*10*			

				học đại cương tập 1+2, NXB Đại học Sư phạm								
		8.	Toán cao cấp	Giáo trình Toán cao cấp nội bộ, Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên					*4*			
		9.	Xác suất thống kê	Nguyễn Đình Huy, Đậu Thế Cấp, Lê Xuân Đại (2015), *Giáo trình xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản ĐHQG TP Hồ Chí Minh.					*4*			
		10.	Tiếng Anh 1	Tom Hutchinson, *Life Lines Elementary*, NXB Văn hóa Thông tin.								
		11.	Tiếng Anh 2	Angela Blackwell and Therese Naber. *Knowhow 1*: Oxford University Press.								

		12.	Tiếng Anh 3	Angela Blackwell and Therese Naber. *Knowhow 1*: Oxford University Press.								
		13.	Tin học đại cương	Trịnh Thị Thu, Nguyễn Ngọc Lan, Hứa Thị Toàn (2016), *Giáo trình Tin học đại cương* , NXB Nông nghiệp.					12			
		14.	Tài nguyên khí hậu	Vũ Thị Thanh Thủy (2016) , *Giáo trình Tài Nguyên khí hậu* (nội bộ), Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên								
		15.	Nhà nước và pháp luật	*Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật, trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2016, Nxb Tư Pháp*								

		16.	Phương pháp tiếp cận khoa học	Nguyễn Ngọc Nông, Nguyễn Khắc Thái Sơn, Đàm Xuân Vận (2007), *Giáo trình phương pháp tiếp cận khoa học (nội bộ)*, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.								
		17.	Đa dạng sinh học	Hoàng Văn Hùng (2017), *Giáo trình Đa dạng sinh học (nội bộ),* Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai								
		18.	Địa lý kinh tế Việt Nam	Nguyễn Thế Đặng & cs. (2011), *Giáo trình Địa lý kinh tế Việt Nam,* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội						5 (2005- tg khác) 5 (2006-tg khác)		
		19.	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết (1997), *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG Hà Nội					4			
		20.	Xã hội học đại cương	Giáo trình nội bộ *Xã hội học đại cương* – hệ					19			

				chính quy, Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên								
		21.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Hà Văn Tấn (1994), *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, NXB KHXH								
		22.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (2015), *Giáo trình Tâm lý học đại cương,* NXB Đại học sư phạm.					*11*	3 (2013 tg khác)		
		23.	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Xuân Sinh (2008), Thể dục, NXB TDTT, Hà Nội								
		24.	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	Trịnh Hữu Lộc, Giáo trình bóng chuyền (2014), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.								
		25.	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá)	Lý Vĩnh Tường, Nguyễn Hồng Sơn, Giáo trình bóng đá (2017), NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh					8			

		26.	Bản đồ học	Lê Văn Thơ, Nguyễn Quý Ly (2012), *Giáo trình nội bộ Bản đồ học,* Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên						20 (2006-tg khác)		
		27.	Trắc địa	Vũ Thanh Thủy, Lê Văn Thơ, Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Giáo trình Trắc địa cơ sở,* NXB Nông nghiệp								
		28.	Viễn thám và GIS	Đàm Xuân Vận, Phan Đình Binh (2016), *Giáo trình nội bộ Hệ thống thông tin địa lý và Viễn thám*, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên								
		29.	Thổ nhưỡng	Nguyễn Thế Đặng, Đặng Văn Minh, Nguyễn Thế Hùng, Hoàng Văn Hùng, Nguyễn Đức Nhuận, Nguyễn Thu Thùy (2018), *Giáo*					4			

				trình Thổ nhưỡng, NXB Nông nghiệp.								
		30.	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải (2005), *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội					*14*			
		31.	Trắc địa ảnh	Vũ Thanh Thủy, Lê Văn Thơ, Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Giáo trình Trắc địa cơ sở*, NXB Nông nghiệp								
		32.	Đánh giá đất	Nguyễn Ngọc Nông, Nông Thị Thu Huyền (2014). *Giáo trình nội bộ Đánh giá đất*, Trường ĐH Nông Lâm Thái Nguyên								
		33.	Hệ thống định vị toàn cầu	Nguyễn Thế Thận, Nguyễn Thạc Dũng (2000). *Trắc địa và bản đồ kỹ thuật số*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội								

		34.	Quản lý tổng hợp tài nguyên	Lê Huy Bá (2006), *Tài nguyên Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội						3		
		35.	Quản lý tài nguyên đất	Trần Kông Tấu (2002), *Tài nguyên đất*, NXB ĐHQG Hà Nội								
		36.	Hệ thống thông tin đất	Ngô Thị Hồng Gấm (2014), *Giáo trình nội bộ Hệ thống thông tin đất,* Trường đại học Nông lâm Thái Nguyên								
		37.	Quy hoạch sử dụng đất	Nguyễn Ngọc Nông, Nguyễn Đình Thi (2008), *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội								
		38.	Đánh giá tác động môi trường	Đặng Văn Minh, Đỗ Thị Lan, Nguyễn Chí Hiếu (2013), *Giáo*					*4*			

				trình Đánh giá tác động môi trường, NXB Nông nghiệp								
		39.	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	Nguyễn Thế Đặng và cs. (2017), *Giáo trình nội bộ Quản lí Tài nguyên nước và khoáng sản*, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên								
		40.	Kinh tế tài nguyên môi trường	NguyễnVăn Song (2006), *Kinh tế tài nguyên môi trường*, NXBĐại học Nông nghiệp Hà nội.					3			
		41.	Quan trắc và phân tích môi trường	Nguyễn Tuấn Anh, Đỗ Thị Lan, Nguyễn Thế Hùng (2008), Giáo trình phân tích môi trường, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội								
		42.	Bản đồ địa chính	Nguyễn Thị Kim Hiệp, Vũ								

				Thị Thanh Thuỷ, Võ Quốc Việt, Phan Đình Binh, Lê Văn Thơ (2006).*Giáo trình Bản đồ địa chính*, NXB Nông nghiệp								
		43.	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	Vũ Thị Bình (2008), *Giáo trình Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn*, NXB Nông nghiệp Hà Nội					*4*			
		44.	Định giá đất và Bất động sản	Nguyễn Thế Huấn (2009), *Giáo trình Định giá đất và bất động sản*. NXB Nông nghiệp	Trịnh Hữu Liên, Hoàng Văn Hùng (2013), *Xây dựng vùng giá trị đất đai phục vụ công tác định giá đất và quản lý đất đa*i, NXB Nông nghiệp							
		45.	Quản lý và xử lý chất thải	Nguyễn Văn Phước (2008), *Giáo trình Quản lý và xử lý chất thải rắn*, NXB Xây dựng, Hà nội					*3*	3		
		46.	Cơ sở dữ liệu đất đai	Lê Thị Giang, Nguyễn Đình Công, Trần Quốc Vinh (2016), *Giáo*								

				trình Cơ dữ liệu đất đai, Học viện Nông nghiệp Hà nội								
		47.	Quản lý tài nguyên rừng	Trần Quốc Hưng, Nguyễn Thị Thu Hoàn (2016), *Giáo trình Quản lý tài nguyên rừng*, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên								
		48.	Cơ sở sinh thái trong quản lý tài nguyên	Nguyễn Chí Hiếu (2016), *Giáo trình nội bộ Cơ sở sinh thái trong quản lý tài nguyên*. Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên								
		49.	Quy hoạch bảo tồn và phát triển tài nguyên	Nguyễn Thu Thùy và cs. (2017), Giáo trình nội bộ *Quy hoạch bảo tồn và phát triển tài nguyên.* Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên								
		50.	Kỹ thuật xử lý nước thải	Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga						2		

				(2002), *Giáo trình Công nghệ xử lý nước thải*, NXB Khoa học và kỹ thuật								
		51.	Thanh tra đất đai	Nguyễn Thị Lợi (2016), *Giáo trình nội bộ Thanh tra đất đai*, Trường Đại học Nông Lâm Thái nguyên								
		52.	Phân tích và đánh giá chính sách TN&MT	Trần Quốc Hưng, Hồ Ngọc Sơn (2016). *Giáo trình nội bộ Phân tích, đánh giá chính sách trong quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.								
		53.	Phương pháp nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Nguyễn Thế Hùng, Đàm Xuân Vận (2015), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu và thống kê Tài nguyên Môi trường*, Nxb Nông nghiệp								

		54.	Pháp luật đất đai	Nguyễn Thị Lợi (2015), *Giáo trình nội bộ Pháp luật đất đai,* Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên								
		55.	Luật và chính sách môi trường	Nguyễn Ngọc Nông, Đặng Thị Hồng Phương (2016), *Giáo trình nội bộ Luật và chính sách bảo vệ môi trường*. Trường ĐHNL Thái Nguyên								
		56.	Thực tập nghề nghiệp 1 - Xây dựng bản đồ sử dụng đất	1. Tài liệu hướng dẫn thực hành. 2. Đàm Xuân Vận, *Bài giảng hệ thống thông tin địa lý* , Thái Nguyên 2010								
		57.	Thực tập nghề nghiệp 2 - Quan trắc môi trường	1. Tài liệu hướng dẫn thực hành.								

				2. Nguyễn Tuấn Anh, Đỗ Thị Lan, Nguyễn Thế Hùng (2008), *"Giáo trình phân tích môi trường"*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội								
		58.	Thực tập nghề nghiệp 3 - Quản lý môi trường đô thị và KCN; quản lý tài nguyên (đất, nước, rừng)	1. Tài liệu hướng dẫn thực hành. 2. Trần Quốc Hưng, Hồ Ngọc Sơn (2013), *Bài giảng Phân tích, đánh giá chính sách trong quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.								
5	**Ngành giáo dục Mầm non**	1.	Nguyên lý 1 (Triết học Mác-Lênin)	Nguyễn Viết Thông, Bành Tiến Long, Trần Thị Hà, Phan Mạnh Tiến, Nguyễn Tiến Hoàng, Vũ Thanh Bình (2017), *Giáo*								

				trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ Đại học, cao đẳng);*(tái bản có sửa chữa);* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.								
		2.	Nguyên lý 2 (Kinh tế chính trị và CNXHKH)									
		3.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	*Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.*								
		4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí*								

				Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội								
B.	**HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY**											
1.	**GIÁO DỤC MẦM NON**	1.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (2008), Giáo trình Tâm lý học đại cương, NXB giáo dục.	40					1		
		2.	Giáo dục học đại cương (Mầm non)	Đinh Văn Vang (2009), Giáo trình giáo dục học mầm non, NXB giáo dục.	128					Nguyễn Thị Hòa (2013): 1		
		3.	QL hành chính nhà nước và quản lý ngành GDĐT	Phạm Thị Châu (2009), Giáo trình quản lý giáo dục MN, NXB giáo dục.	180							
		4.	Tạo hình	Ngô Bá Công (2011), Giáo trình Tạo hình, giáo trình Mỹ thuật cơ bản, NXB ĐHSP	GT Mỹ thuật cơ bản: 13							
		5.	Âm nhạc	Phạm Thị Hòa (2011), giáo trình giáo dục	Tập 1: 43 Tập 2: 35					T1: 1 Tập 2: 1		

				âm nhạc T1, T2, NXB ĐHSP.								
		6.	Tiếng Việt – phương pháp phát triển ngôn ngữ	Nguyễn Xuân Khoa (2007), giáo trình Tiếng việt T1, T2 (Dành cho GVMN), NXB ĐHSP	(2004) : Tập 1 :51 Tập 2: 18							
		7.	Phát triển ngôn ngữ	Đinh Hồng Thái (2012), giáo trình Phát triển ngôn ngữ, NXB ĐHSP.	50							
		8.	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN	Tạ Thúy Lan (2009), GT sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, NXB giáo dục.	132							
		9.	Sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi MN	Nguyễn Ánh Tuyết (2002), GT Tâm lý học trẻ em lứa tuổi MN (từ lọt lòng đến 6 tuổi), NXB ĐHSP.	(2005): 22 (2013): 5					1		
		10.	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn (2009), GT giáo dục gia đình, NXB GD.	210							
		11.	Tổ chức hoạt động kỹ năng	Nguyễn Thanh Bình (2014), GT Chuyên đề								

			sống cho trẻ MN	GD kỹ năng sống, NXB ĐHSP.								
		12.	Nghề GV MN – Giáo dục học mầm non	Đinh Văn Vang (2009), GT giáo dục học mầm non, NXB GD.	128					Nguyễn Thị Hòa: 1		
		13.		Hồ Lam Hồng (2009), giáo trình Nghề giáo viên MN, NXB GD.	50					1		
		14.	Giáo dục hòa nhập	Nguyễn Xuân Hải (2009), GT giáo dục hòa nhập, NXB GD.	50							
		15.	Tổ chức hoạt động tạo hình	Lê Thanh Thủy (2012), GT PP tổ chức hoạt động tạohiình cho trẻ MN, NXB ĐHSP.	(2010): 65							
		16.	Múa và tổ chức hoạt động âm nhạc	Trần Minh Trí (1997), GT âm nhạc và múa, tổ chức hoạt động âm nhạc, NXB GD.	150							
		17.	Phương pháp làm quen với toán	Đỗ Thị Minh Liên (2009), GT Phương pháp cho trẻ MN làm quen với toán, NXB giáo dục.	(2008): 50					1		

		18.	Dinh dưỡng , vệ sinh – phòng bệnh	Nguyễn Kim Thanh (2005), GT dinh dưỡng trẻ em, NXB ĐHQG.	26							
		19.		Lê Thị Mai Hoa (2009), GT phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN, NXB GD.	80					Nguyễn Thị Phong (2012): 1		
		20.	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN.	Nguyễn Thị Thu Hiền (2009), GT Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN, NXB GD.	(2008): 80							
		21.	Đánh giá trong GD MN	Đinh Thị Kim Thoa (2009), GT Đánh giá trong giáo dục MN, NXB GD.	(2011): 117							
		22.	Các chuyên đề đổi mới trong giáo dục mầm non									
		23.	Tổ chức hoạt động vui chơi	Đinh Văn Vang (2009), GT tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ	(2012): 20							

				mầm non, NXB GD.								
		24.	Văn học – Phương pháp làm quen văn học	Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2004), Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, NXB GD.	8					(2006): 1		
		25.		Hà Nguyễn Kim Giang (2010), Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, NXB 2010.	(2013): 22							
		26.	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh.									
		27.	Phương pháp giáo dục thể chất	Đặng Hồng Phương (2010), GT Phương pháp giáo dục thể chất, NXB GD.	140					1		
		28.	Làm đồ chơi	Nguyễn Nghiệp (1998), Tự làm đồc hơi gấp hình, NXB GD.	13							

		29.	Giao tiếp và ứng xử của giáo viên mầm non với trẻ em									
		30.	Kiến tập sư phạm – Thực hành sư phạm									
2	**GIÁO DỤC TIỂU HỌC**	1.	Sinh lý trẻ em lứa tuổi Tiểu học	Trần Trọng Thủy (2006), Sinh lý học trẻ em, NXB GD.	47							
		2.	Tâm lý học (Tiểu học)	Nguyễn Quang Uẩn (2007), Tâm lý học, NXB GD.	40							
		3.	Giáo dục học (Tiểu học)	Nguyễn Thị Quy (2007), GT Giáo dục học, NXB GD.	75							
		4.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao (2006), GT Thực hành tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, NXB GD.	83							
		5.	Phương pháp NCKH giáo dục	Phó Đức Hòa (2009), GT Phương pháp luận nghiên cứu	11							

				khoa học giáo dục tiểu học, NXB ĐHSP.								
		6.	RLNV sư phạm	Nguyễn Việt Bắc (2007), GT Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, NXB GD.	34							
		7.	Văn học	Cao Đức Tiến (2007), GT Văn học, NXB GD.	60							
		8.	Tiếng Việt	Lê A, GT Tiếng Việt, NXB GD.	80							
		9.	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt	Lê Phương Nga (2007), Phương phá p dạy học Tiếng việt ở tiểu học, NXB GD.	65							
		10.	Nhạc – PP dạy học âm nhạc	Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc ở tiểu học	- Hoàng Công (2007), NXB GD: 40							
		11.	Mỹ thuât, thủ công và phương pháp dạy học	Hoàng Long (2007), Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên xã hội T1, T2, NXB GD.	T1: 21 T2: 30							
		12.	Cơ sở lý thuyết tập	Trần Diên Hiển (2007), Cơ sở lý	70							

			hợpvaà logic Toán	thuyết tập hợp và logic Toán, NXB GD.								
		13.	Giáo dục môi trường ở Tiểu học	Lê Văn Trưởng (2006), GT giáo dục môi trường, NXB GD.	65							
		14.	Phương tiện và ứng dụng CNTT trong dạy học ở Tiểu học	Đào Thái Lai (2006), Phương tiện kĩ thuật dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học ở Tiểu học T1, T2, NXB GD.	T1: 70 T2: 92							
		15.	Các tập hợp số	Trần Diên Hiển (2007), Các tập hợp số, NXB GD.	60					Phần 1: 1 Phần 2: 1 Phần 3: 1		
		16.	Thực hành giải toán	Trần Diên Hiển (2012), Thực hành giải toán ở Tiểu học T1, T2, NXB ĐHSP.	T1: 52 T2: 59							
		17.	Thực hành Công tác Đội – Sao nhi đồng	Nguyễn Minh Quang (2006), Phương pháp tổ chức công tác đội TNTP HCM, NXB GD.	44					1		
		18.	Tiếng Mông									

		19.	Giải toán Tiểu học bằng Tiếng Anh									
		20.	Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh Tiểu học	Hoàng Hòa Bình (2010), GD kĩ năng sống lớp 4, GD kĩ năng sống lớp 5, NXB GD.	Lớp 4: 4 Lớp 5: 8							
		21.	Cơ sở và Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội	Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên xã hội T1, T2, NXB GD,2007	T1: 21 T2: 30							
		22.	Đạo đức và PPGD đạo đức ở Tiểu học	Nguyễn Hữu Hợp (2007), Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức, NXB GD.	1							
		23.	Phương pháp dạy học Tiếng Việt	Lê Phương Nga (2007), Phương pháp dạy học Tiếng việt ở Tiểu học, NXB GD.	65					8 phần		
		24.	Phương pháp dạy học Toán Tiểu học	GT VNEN (2016), GT Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học tập 1,	T1: 300 T2: 300							

				tập 2, NXB ĐHSP.								

Lào Cai, ngày 16 tháng 9 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hà